

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000
Khu công nghiệp Việt Hưng, thành phố Hạ Long

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018.

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hạ Long đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kèm theo Quyết định số 702/QĐ-TTg ngày 07/6/2019;

Căn cứ đồ án điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Việt Hưng (giai đoạn 1), thành phố Hạ Long đã được UBND tỉnh phê duyệt kèm theo Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 18/10/2016; đồ án điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Việt Hưng (giai đoạn 2), thành phố Hạ Long đã được UBND tỉnh phê duyệt kèm theo Quyết định số 5232/QĐ-UBND ngày 19/12/2018;

Căn cứ Thông báo số 101-TB/TU ngày 15/01/2021 của Tỉnh ủy “V/v Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 31/12/2020”;

Căn cứ văn bản số 1334/UBND-XD6 ngày 09/3/2021 của UBND tỉnh “V/v triển khai Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 31/12/2020 với Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công”;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 66/TTr-SXD ngày 13/4/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Việt Hưng, thành phố Hạ Long (kèm theo Bản đồ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000) với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi ranh giới, diện tích

1.1. Phạm vi ranh giới: Tại phường Việt Hưng, thành phố Hạ Long; các giới hạn như sau:

- Phía Đông giáp sông Trới.
- Phía Tây giáp đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn.
- Phía Nam giáp suối Bút Khê.
- Phía Bắc giáp Quốc lộ 279, sông Trới.

1.2. Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch 300,93ha.

2. Tính chất: Là khu công nghiệp áp dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, trong đó có các loại hình công nghiệp sản xuất xe ô tô; quy mô lao động dự kiến khoảng 12.000 - 15.000 lao động.

3. Lý do điều chỉnh, nội dung chính điều chỉnh**3.1. Lý do điều chỉnh**

Khu công nghiệp Việt Hưng tại phường Việt Hưng, thành phố Hạ Long được Thủ tướng Chính phủ cho phép thành lập tại văn bản số 727/TTg- CN ngày 15/5/2006 và văn bản số 2628/TTg- KTN ngày 22/12/2014 với diện tích 301ha; được UBND tỉnh thành lập tại Quyết định số 2868/QĐ-UBND ngày 28/9/2006 với diện tích 300,93ha và phê duyệt quy hoạch lần đầu tại Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 26/01/2007 (tổng diện tích 300,93ha).

Hiện nay, quy hoạch Khu công nghiệp Việt Hưng được phê duyệt gồm 02 giai đoạn¹ với các ngành nghề đang hoạt động trong khu công nghiệp chưa có hiệu quả kinh tế cao; hệ thống hạ tầng kỹ thuật của 02 giai đoạn chưa có sự liên kết đồng bộ (giai đoạn 1 và giai đoạn 2 bố trí 02 khu đất trạm xử lý nước thải và 02 khu đất trạm điện).

Tỉnh ủy đã có Thông báo số 101-TB/TU ngày 15/01/2021, UBND tỉnh đã có văn bản số 1334/UBND-XD6 ngày 09/3/2021 chỉ đạo nghiên cứu lại quy hoạch tổng thể để Khu công nghiệp Việt Hưng trở thành khu công nghiệp kiểu mẫu với tầm nhìn dài hạn phát triển theo mô hình: Khu công nghiệp - khu đô thị phục vụ khu công nghiệp - khu dịch vụ hậu cần cảng và hậu cần cảng biển; kết

¹ KCN Việt Hưng (giai đoạn 1) với diện tích 151,89 ha đã được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tại Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 18/10/2016; giao đất tại Quyết định 321/QĐ-UBND ngày 16/02/201, Quyết định 2740/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 và Quyết định 3570/QĐ-UBND ngày 16/9/2020.

KCN Việt Hưng (giai đoạn 2) với diện tích 149,04 ha đã được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tại Quyết định số 5232/QĐ-UBND ngày 19/12/2018, giao đất tại Quyết định 3569/QĐ-UBND ngày 16/9/2020.

nổi các chức năng với Khu công nghiệp Việt Hưng (Cụm công nghiệp Việt Hưng phục vụ ngành công nghiệp hỗ trợ, khu nhà ở công nhân, nhà ở chuyên gia).

Do đó, việc lập điều chỉnh Quy hoạch phân khu 1/2000 Khu công nghiệp Việt Hưng theo hướng gộp cả giai đoạn 1 và giai đoạn 2 (tổng diện tích cả 02 giai đoạn là 300,93ha không thay đổi) và điều chỉnh cục bộ một số khu chức năng cho phù hợp hơn, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật là phù hợp và cần thiết.

3.2. Nội dung điều chỉnh chính

- Điều chỉnh cục bộ ranh giới quy hoạch khu hạ tầng kỹ thuật (thuộc giai đoạn 2) theo hướng: Thu hẹp ranh giới 0,6ha tại khu vực phía Đông; mở rộng 0,17ha tại khu vực phía Bắc và mở rộng 0,43ha tại khu vực phía Nam nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng đến dòng chảy của sông Bút Xê (tổng diện tích khu công nghiệp Việt Hưng là 300,93ha, không thay đổi).

- Gộp diện tích đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật (gộp 02 khu đất trạm xử lý nước thải thành 01 trạm, gộp 02 khu đất trạm điện thành 01 trạm) để sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả; điều chỉnh cục bộ một số lô đất trong khu công nghiệp để phù hợp với nhu cầu sử dụng².

- Điều chỉnh giảm mặt cắt đường 279 đoạn đi qua khu công nghiệp³ thành 35m⁴; bổ sung cảng cạn (ký hiệu ICD, diện tích 5,17ha);

- Điều chỉnh giảm diện tích khu văn phòng điều hành, dịch vụ từ 4,78ha thành 3,60ha;

- Bổ sung tuyến đường vòng quanh dự án (giai đoạn 2) với mặt cắt lòng đường 8,0m; vỉa hè tiếp giáp với khu vực nhà máy 4,0m, tuyến cây xanh và mương nước sát ranh giới dự án 12,0m (tăng khoảng cách ly của dự án) thuộc danh mục đất giao thông nội bộ và hành lang hạ tầng kỹ thuật.

- Bổ sung tuyến mương hở ở giữa tuyến đường RD2-02 (giai đoạn 2) vuông góc với tuyến đường 279 và kéo dài từ phía Đông sang phía Tây⁵. Chiều rộng tổng thể tuyến đường và mương là 44,0m với mục đích sử dụng làm hồ điều hòa, cải tạo vi khí hậu, dự trữ nguồn nước phòng cháy chữa cháy và tăng tính mỹ quan cho khu công nghiệp...

4. Các khu chức năng chính

² điều chỉnh lô CN1 (giai đoạn 2) thành 2 lô (CN1 và CN2); điều chỉnh lô CN2 (giai đoạn 2) thành lô CN3; gộp lô CN3 và CN4 (thuộc giai đoạn 2) thành lô CN4; gộp các lô K1, K2, K3, K4, K5, K6 (khu K thuộc giai đoạn 1) thành lô CN5; gộp các lô L1, L2, L3, L4, L5 (khu L thuộc giai đoạn 1) thành lô CN6; gộp các lô H3, H4, H5, H6, H7 (thuộc khu H giai đoạn 2) thành lô CN7; gộp các lô M5, M6, M7 và một phần lô M4 (thuộc khu M giai đoạn 2) thành lô CN8; phần còn lại của lô M4 (thuộc khu M giai đoạn 2) điều chỉnh thành lô CN9; điều chỉnh lô M2-1 (thuộc khu M giai đoạn 2) và phần diện tích trạm xử lý nước thải tạm thành khu CN10.

³ đường 279 đoạn đi qua khu công nghiệp Việt Hưng hiện trạng rộng 11,5m (Đường 10,5m + lề 0,5m x 02 bên); theo quy hoạch được duyệt trước đây là 40m (lòng đường 10,5m x 02 bên + vỉa hè 8,0m x 02 bên + dải phân cách giữa 3,0m).

⁴ lòng đường 8,0m x 02 bên + vỉa hè 8,0m x 02 bên; dải phân cách giữa 3,0m

⁵ mặt cắt ngang tuyến mương rộng 9,0m; sâu 3,5m; lòng đường 8,0m x 02 bên; vỉa hè 4,0m x 02 bên; cây xanh hai bên mương 5,5m x 02 bên.

4.1. Khu văn phòng điều hành, dịch vụ, diện tích 3,60ha:

Bố trí các công trình văn phòng điều hành, các công trình có chức năng cung cấp các dịch vụ cần thiết cho hoạt động của khu công nghiệp, gồm 02 khu:

- Khu số 1 tại khu vực phía Bắc khu công nghiệp, tiếp giáp với tuyến đường Trới - Vũ Oai và tuyến đường vào các khu nhà máy hiện trạng, diện tích 1,60 ha: Là khu văn phòng điều hành chính, hạ tầng xã hội đồng bộ, các cơ quan thuế vụ, hải quan, phòng cháy...

- Khu số 2 tại khu vực cổng chính phía Nam của khu công nghiệp, gần nút giao của tuyến đường nối Quốc lộ 279 đi Quốc lộ 18A và đường nối cảng Cái Lân qua khu công nghiệp Việt Hưng đến cao tốc Hạ Long - Vân Đồn, diện tích 2,00ha: Là khu vực bố trí các văn phòng đại diện, trung tâm giao dịch thương mại, triển lãm và trưng bày sản phẩm.

4.2. Khu đất công nghiệp, diện tích 231,90ha:

Khu phía Tây (giáp với đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn) bố trí các nhà máy chính sản xuất lắp ráp ô tô; khu Phía Đông là khu vực các công trình nhà máy hiện trạng và các nhà máy hỗ trợ cũng như: Hệ thống kho, bến bãi nội bộ, logistics, cảng cạn ICD.

4.3. Khu cây xanh, mặt nước, diện tích 32,26ha; trong đó: Cây xanh 30,10ha, mặt nước 2,16ha, hồ điều hòa 0,53ha, mương hồ 1,63ha.

4.4. Khu công trình đầu mối hạ tầng, diện tích 3,03ha, gồm 02 khu:

a) Khu HTKT 1, diện tích 1,88ha:

Là khu vực tập trung đầu mối hạ tầng của cả khu công nghiệp, gồm các hạng mục: Khu nhà vận hành, trạm cấp nước sạch, trạm xử lý nước thải, khu tập kết rác thải, khu nhà vận hành (khu văn phòng làm việc của đội ngũ vận hành kỹ thuật, trạm cấp nước sạch (hệ thống bơm và bể chứa nước sạch, phục vụ nhu cầu sản xuất, PCCC, sinh hoạt cho toàn dự án), khu xử lý nước thải công nghiệp (khu xử lý nước thải nằm cuối hướng dốc thoát nước, là nơi kiểm tra và xử lý lại nước sau khi đã được xử lý tại các nhà máy xí nghiệp trước khi thải ra môi trường), bãi tập kết trung chuyển rác thải cùng vị trí với khu xử lý nước thải.

b) Khu HTKT 2, diện tích 1,15ha:

Bố trí trạm điện 110/22KV theo định hướng điều chỉnh quy hoạch chung lưới điện tỉnh Quảng Ninh để cấp điện cho toàn bộ khu công nghiệp và các dự án liền kề; hệ thống hồ điều hòa kết hợp với khu cây xanh cách ly tạo thành hệ thống thoát nước mặt cho khu công nghiệp và tạo điều kiện vi khí hậu. Ngoài ra, bố trí khu xử lý rác và chất thải rắn tập trung, tại mỗi nhà máy sẽ bố trí khu tập kết riêng của nhà máy, sau đó sẽ được bộ phận thu gom rác (bộ phận vệ sinh môi trường) đưa về bãi rác tập trung của khu vực.

5. Quy hoạch sử dụng đất và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật

5.1. Bảng danh mục sử dụng đất:

Stt	Chức năng	Ký hiệu	Diện tích (ha)
I	Đất xây dựng nhà máy, kho tàng		231,90
1	Đất xây dựng công trình hiện trạng	ĐHT	38,38
2	Nhà máy công nghiệp CN1	CN1	34,00
3	Nhà máy công nghiệp CN2	CN2	29,39
4	Nhà máy công nghiệp CN3	CN3	22,02
5	Nhà máy công nghiệp CN4	CN4	31,04
6	Nhà máy công nghiệp CN5	CN5	14,14
7	Nhà máy công nghiệp CN6	CN6	11,94
8	Nhà máy công nghiệp CN7	CN7	12,10
9	Nhà máy công nghiệp CN8	CN8	17,02
10	Nhà máy công nghiệp CN9	CN9	5,55
11	Nhà máy công nghiệp CN10	CN10	1,55
II	Đất xây dựng trung tâm điều hành, dịch vụ khu công nghiệp		3,60
III	Các khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật		3,03
1	Đầu mối thoát nước, xử lý nước thải, cấp nước, thu gom rác	HTKT 1	1,88
2	Đầu mối cấp điện	HTKT 2	1,15
3	Cây xanh, mặt nước		32,26
	<i>Công viên, cây xanh</i>	<i>CX</i>	<i>30,10</i>
	<i>Mặt nước</i>	<i>MN</i>	<i>2,16</i>
4	Giao thông nội bộ và hành lang hạ tầng kỹ thuật		30,14
	Cộng		300,93

5.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật

- Các lô đất nhà máy công nghiệp, kho bãi: Mật độ xây dựng 52-70%; tầng cao trung bình 01 - 5 tầng; hệ số sử dụng đất 1,0 - 2,0 lần.

- Lô đất trung tâm điều hành, dịch vụ khu công nghiệp: Mật độ xây dựng 52-70%; tầng cao trung bình 01 - 05 tầng; hệ số sử dụng đất 1,0 - 3,0 lần.

- Các khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật :

+ Đầu mối thoát nước, xử lý nước thải, cấp nước, thu gom rác: Mật độ xây dựng 40-70%; tầng cao trung bình 01 - 02 tầng; hệ số sử dụng đất 0,5-1,0 lần.

+ Đầu mối cấp điện: Mật độ xây dựng 52-70%; tầng cao trung bình 01 - 02 tầng; hệ số sử dụng đất 1,0-1,8 lần.

- Trong quá trình phê duyệt quy hoạch chi tiết các dự án thành phần, yêu cầu đảm bảo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2019/BXD), chỉ giới xây dựng thống nhất trong toàn tuyến đường, bố trí các dải cây xanh cách ly sát hàng rào đối với các lô đất sát các trục

đường lớn, các lô đất xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối đảm bảo các yêu cầu về tỷ lệ cây xanh trong toàn khu công nghiệp, trong từng lô đất và môi trường, cảnh quan khu vực.

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Đảm bảo đầu nối thống nhất với hạ tầng kỹ thuật các công trình, dự án liên kế trong khu vực theo quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đã được Sở Xây dựng đóng dấu thẩm định.

6.1. Quy hoạch chuẩn bị hạ tầng kỹ thuật; thoát nước mưa

a) Quy hoạch chuẩn bị hạ tầng kỹ thuật

Cao độ khống chế nền xây dựng tối thiểu (Hxd) tuân thủ theo định hướng quy hoạch chung xây dựng thành phố Hạ Long; khống chế cao độ san nền thấp nhất là +3,60 và cao độ san nền cao nhất là +5.8m.

b) Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa

- Tuân thủ theo định hướng quy hoạch chung xây dựng thành phố Hạ Long, đảm bảo phù hợp với tình hình hiện trạng, các quy hoạch và các dự án xung quanh; đảm bảo thoát nước nhanh và triệt để.

- Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa độc lập với hệ thống nước thải, với chu kỳ tính toán là 10 năm (do khu công nghiệp có các nhà máy sản xuất có yêu cầu đặc biệt).

- Quy hoạch hệ thống thoát nước trên nguyên tắc đảm bảo thoát nước tự chảy, thoát nước bám theo địa hình tự nhiên, phân chia khu vực quy hoạch thành các lưu vực nhỏ, thu về mương thoát nước tự nhiên chảy xuyên qua giữa KCN ra sông Trới.

- Hướng thoát nước: Nước mưa từ các lô đất được thu vào hệ thống công và hệ thống mương thoát nước mưa khu công nghiệp, sau đó thoát vào hệ thống kênh mương thoát nước chung.

- Việc thu gom nước mưa ở sân đường được thực hiện bởi các hõng thu hàm ếch ven đường, khoảng cách trung bình các hõng là 35m. Nước mưa từ các nhà máy... được dồn về các hõng thu nước rồi chảy vào tuyến cống D600-D1500 và tuyến cống hộp đặt trên vỉa hè. Dọc theo hệ thống thoát nước mưa bố trí các hố ga thăm, khoảng 40-100 (m) bố trí 1 hố ga.

6.2. Quy hoạch hệ thống giao thông

a) Giao thông đối ngoại

- Đường bộ: Kết nối tuyến đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn qua hệ thống nút giao cầu vượt tại phía Tây Nam khu công nghiệp, Quốc lộ 279, tuyến đường đi Cảng Cái Lân đang triển khai đầu tư và tuyến đường 328 chạy phía Bắc khu công nghiệp.

- Đường thủy: Kết nối với sông Trới và với các bến cảng trong hệ thống cảng Cái Lân.

b) Giao thông đối nội

Hệ thống giao thông được thiết kế theo mạng lưới dạng bàn cờ. Bố trí mạng lưới giao thông phù hợp với quy mô từng khu vực đảm bảo khả năng liên kết thuận tiện giữa các khu và giữa đường bộ với đường thủy. Quy mô mặt cắt các tuyến đường trong khu vực quy hoạch như sau:

+ Mặt cắt 1-1 (Đường chính khu công nghiệp) với lộ giới 35m; trong đó: lòng đường $8,0 \times 2$ bên = 16m; dải phân cách 3m; hè đường $8,0 \times 2$ bên = 16,0m.

+ Mặt cắt 2-2 (Đường chính Khu công nghiệp) với lộ giới 44m; trong đó: lòng đường $8,0 \times 2$ bên = 16m; mương nước dải phân cách 20m; hè đường $4,0 \times 2$ bên = 8,0m.

+ Mặt cắt 3-3 (Đường nội bộ) với lộ giới 16m; trong đó: lòng đường 8,0m; hè đường 8,0m.

+ Mặt cắt 4-4 (Đường nội bộ) với lộ giới 16m; trong đó: lòng đường 8,0m; hè đường $4,0 \times 2$ bên = 8,0m.

+ Mặt cắt 6-6 (Đường nội bộ) với lộ giới 13,5m; trong đó: lòng đường 7,5m; hè đường $3,0 \times 2$ bên = 6,0m.

+ Mặt cắt 7-7 (Đường nội bộ). Lộ giới 17,25m; trong đó: lòng đường 11,25m; hè đường $3,0 \times 2$ bên = 6,0m.

+ Mặt cắt 8-8 (Đường nội bộ) với lộ giới 20m; trong đó: lòng đường 12m; hè đường $4,0 \times 2$ bên = 8,0m.

+ Mặt cắt 9-9 (Đường nội bộ) với lộ giới rộng 9,5m; trong đó: lòng đường 6,5m; hè đường $1,5 \times 2$ bên = 3,0m.

6.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Tổng nhu cầu cấp nước khoảng $9.281,2 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nguồn cấp nước được lấy từ đường ống DN500 trên đường đi Cảng Cái Lân (gần khu vực có trạm bơm tăng áp công suất hiện tại $17.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$).

- Mạng lưới cấp nước: Để mạng cấp nước truyền tải được an toàn và hiệu quả thiết kế mạng vòng đường kính ống cấp D355 - D160.

Bố trí các hòng cứu hoả tại những ngã ba, ngã tư, nơi gần các công trình và thuận tiện cho xe cứu hoả hoạt động khi có cháy; khoảng cách giữa các trụ không quá 150m và đặt cách mép đường 1,0m.

6.4. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Lưu lượng thoát nước thải của Khu công nghiệp khoảng $5.916,92 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Bố trí 02 trạm xử lý nước thải có công suất mỗi trạm $3.000 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Giai đoạn 01 xây dựng trạm xử lý nước thải với công suất $3.000 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; giai đoạn 02 xây dựng Trạm xử lý nước thải với công suất $3.000 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Mạng lưới thoát nước: Ống thoát nước thải dùng ống BTCT D= 400mm đến D600. Các tuyến cống thoát nước thải được bố trí trên dải cây xanh cách ly

với khoảng cách 1,0m so với hàng rào nhà máy.

- Rác thải trong khu công nghiệp chủ yếu là rác thải từ các nhà máy và rác thải sinh hoạt của công nhân. Để đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan trong KCN, chất thải rắn được tập kết tại từng nhà máy, tại các vị trí thuận lợi, cuối ngày sẽ được Công ty Môi trường thu gom và vận chuyển đến nơi chôn lấp và xử lý rác thải tập trung của tỉnh đã quy hoạch.

6.5. Quy hoạch hệ thống cấp điện

- Tổng nhu cầu điện toàn khu công nghiệp khoảng 100,25MVA.

- Nguồn điện cấp điện trung thế được lấy điện thông qua trạm biến áp 110/22kV (xây dựng mới nằm trong ranh giới quy hoạch) theo định hướng Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Ninh - Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110 kV.

- Giải pháp cấp điện:

+ Lưới điện trung thế: được xuất tuyến từ trạm biến áp 110kV trong KCN được quy hoạch. Tuyến DDK 22 kV chạy trong khu vực KCN đi trong hành lang via hè.

+ Tại các nhà máy, xí nghiệp sẽ có các trạm hạ áp 22/0,4kV, công suất các trạm này sẽ phụ thuộc vào phụ tải điện của từng nhà máy, xí nghiệp.

+ Các trạm biến áp hạ thế của KCN được đấu nối với đường dây 22kV.

Đồ án quy hoạch này thay thế đồ án điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Việt Hưng (giai đoạn 1), thành phố Hạ Long đã được UBND tỉnh phê duyệt kèm theo Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 và đồ án điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Việt Hưng (giai đoạn 2), thành phố Hạ Long đã được UBND tỉnh phê duyệt kèm theo Quyết định số 5232/QĐ-UBND ngày 19/12/2018.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Hạ Long và Chủ đầu tư công bố, công khai và quản lý quy hoạch được phê duyệt; phê duyệt các đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 nằm trong ranh giới quy hoạch này; đình chỉ xây dựng, xử phạt hành chính, cưỡng chế phá dỡ những công trình xây dựng trái phép, xây dựng sai phép, xây dựng không tuân theo quy hoạch được duyệt theo quy định; thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý; đôn đốc, hướng dẫn Chủ đầu tư triển khai các bước tiếp theo đảm bảo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

- Các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Hạ Long thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý đảm bảo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi

trường, Công Thương, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long, Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Trung tâm Hành chính công tỉnh;
- Công ty cổ phần Phát triển KCN Việt Hưng;
- V0-V5, QLDD1, XD-1,2, TH1;
- Lưu: VT, QH1.

20 bản-QĐ 13-05

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Tường Huy